TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 02 - 03 - 2021
V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lại Đức Lợi
2. Ông Lê Tiến Thấn

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trần Thị Tuyết Trinh – Thư ký TAND tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thái – Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 03 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2020 về *Tranh chấp Hôn nhân và gia đình* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 09/2021/QĐXX-ST ngày 20 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/QĐ-ST ngày 04 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị M** sinh năm 1990.

Nơi cư trú: thôn H, xã V, huyện V1, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: Anh **Bùi Minh T** sinh năm 1987.

Nơi cư trú: thôn H, xã V, huyện V1, tỉnh Thái Bình.

Hiện nay đang lao động tại Nhật Bản.

(Chị M và anh T đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị M trình bày:

Chị và anh Bùi Minh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V1, tỉnh Thái Bình ngày 17/3/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng bố mẹ đẻ của anh T tại thôn H, xã V, huyện V1, tỉnh Thái Bình và sinh được một con chung là cháu Bùi Gia Huy V2 sinh ngày 19/8/2014. Từ năm 2017, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về tính cách, suy nghĩ dẫn đến cuộc sống chung không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Chị và anh T đã ly thân từ tháng 8/2018. Năm 2019, anh T đi xuất

khẩu lao động tại Nhật Bản; vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa, mỗi người tự lo cuộc sống riêng. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T và yêu cầu Tòa giao cháu Bùi Gia Huy V2 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng vì hiện nay cháu V2 đang ở với chị; chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Chị và anh T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai của Bị đơn là anh Bùi Minh T; anh T khai thống nhất với chị M về việc đăng ký kết hôn; trong quá trình chung sống, do tính cách vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Từ tháng 5/2019, anh đi lao động tại Nhật Bản, anh và chị M vẫn liên lạc trên điện thoại với nhau nhưng chỉ là để hỏi thăm, chuyện trò với con là chính. Nay chị M xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn để giải phóng cho cả hai bên. Anh và chị M không có tài sản chung và nợ chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và Bị đơn đều thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70,71 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Bùi Minh T.

+ Giao con chung Bùi Gia Huy V2 sinh ngày 19/8/2014 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng; do chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T, khi nào các đương sự có đơn thì đề nghị Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị M, anh T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị M và anh T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị M và anh Bùi Minh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V1, tỉnh Thái Bình ngày 17/3/2014 – đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo hộ.

Bản tự khai của chị M, anh T cũng như lời khai của bà Lê Thị T1 (mẹ đẻ anh T) đều thể hiện: Trong quá trình chung sống với nhau, vợ chồng chị M, anh T do tính tình không hợp nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, mâu thuẫn căng thẳng; mặc dù được hai bên gia đình động viên và nhiều lần tạo mọi cơ hội để chị M, anh T hàn gắn tình cảm, cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng vẫn không có kết quả. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị M và anh T ly hôn là phù hợp.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị M và anh T có 01 con chung là Bùi Gia Huy V2 sinh ngày 19/8/2014, hiện nay cháu V2 đang do chị M chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà T1 – mẹ đẻ của anh T khẳng định; cháu V2 được mẹ chăm sóc rất tốt. Vì vậy, cần chấp nhận đề nghị của chị M và anh T, giao cháu V2 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Việc chị M không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của con nên cần ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Chị M, anh T đều khai vợ chồng không có tài sản chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[2.4] Về án phí: Chị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Bùi Minh T.

2. Về con chung: Giao con chung Bùi Gia Huy V2 sinh ngày 19/8/2014 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng; chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Chị M, anh T có quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: không giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được đối trừ vào 300.000 đồng chị M đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0009801 ngày 15 tháng 7 năm 2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Nguyễn Thị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án; anh Bùi Minh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND tỉnh Thái Bình;*
- *Cục THADS tỉnh Thái Bình;*
- *UBND xã V, h. V1, tỉnh Thái Bình;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu Tòa án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Thị Lan Anh